

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 7 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn và ông Lê Quốc Định.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 10/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1997.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Ngọc N, sinh năm 1992.

3. *Người làm chứng:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1963.

Chị L, anh N và ông T ở cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên toà có mặt: Chị L, ông T; vắng mặt anh N không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Đoàn Thị L, nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đoàn Thị L và anh Bùi Ngọc N lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 14/3/2022.

* *Theo chị Đoàn Thị L trình bày:* Sau ngày cưới, vợ chồng chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến khoảng đầu tháng 5/2022 thì chị L và anh N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh N đi làm thợ điện có tiền nhưng không đưa cho chị L để chị chi tiêu cho sinh hoạt trong gia đình mà anh

N thường xuyên đi chơi bời, tụ tập bạn bè, thường xuyên say rượu và tìm cơ để mắng chửi chị. Chị L có khuyên anh N nên bỏ rượu chè, nhưng anh N chỉ hứa mà vẫn không thay đổi. Do vợ chồng chị còn trẻ, mới kết hôn nên chị L đã bỏ qua. Đến ngày 02/9/2023, vợ chồng anh chị mâu thuẫn căng thẳng do anh N không trung thực trong chuyện tiền bạc chung của vợ chồng nên đã xảy ra cãi chửi nhau. Anh N đã chửi và đuổi chị L, chị L đã đưa con về bên nhà bố mẹ đẻ của mình là ông Đoàn Trọng D và bà Trần Thị Ú tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam để ở. Kể từ tháng 02/9/2023 đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân nhau, không quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị L cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Ngọc N.

- *Về con chung*: Chị Đoàn Thị L và anh Bùi Ngọc N có 01 con chung là cháu Bùi Yên N1, sinh ngày 07/11/2022. Hiện nay cháu N1 đang ở với chị L. Nếu ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi cháu N1 và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Chị L không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

* *Theo ông Bùi Văn T (bố đẻ của anh Bùi Văn N2) trình bày*:

Anh Bùi Ngọc N và chị Đoàn Thị L lấy nhau có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đồng thời được UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14/3/2022.

Sau khi cưới, vợ chồng ăn ở chung với gia đình tôi tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống, anh chị sống hoà thuận, hạnh phúc. Cho đến khoảng tháng 6/2023 âm lịch thì anh chị xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, bất đồng quan điểm. Sau khi được gia đình khuyên nên anh chị đã trở về cuộc sống bình thường.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/7/2023 âm lịch, bạn anh N chuyển tiền vào tài khoản của anh N để nhờ anh N chuyển cho người khác. Chị L có hỏi số tiền trên là của ai gửi thì anh N nói: “*Đây là vấn đề riêng tư không liên quan gì đến tài chính của vợ chồng nên em không cần biết*”. Sau khi anh N nói xong chị L vẫn cứ hỏi anh N tiền ai gửi, gửi như thế nào và chị L, anh N có xảy ra cãi chửi nhau. Do chị L nói nhiều nên anh N bực nói “*Không ở được ở đây thì biến*”. Sau đó chị L đưa cháu Bùi Yên N1 là con chung của vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ của chị L. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, vợ chồng ông T có sang nhà chị L để khuyên chị L về đoàn tụ nhưng chị L không chịu về. Cũng từ thời gian này vợ chồng sống ly thân, anh N ở gia đình ông T còn chị L ở gia đình nhà chị L. Anh N có đến tìm chị L khoảng 2, 3 lần để về đoàn tụ nhưng chị L không về. Đến khoảng tháng 9/2023 âm lịch, anh N có đi làm ăn nhưng ở đâu thì ông T không rõ nhưng cứ khoảng 01 tháng thì anh N lại về thăm gia đình ông T. Khi về, anh N có sang tìm chị L về đoàn tụ và có đưa tiền cho chị L để mua sữa cho con nhưng chị L không nhận và không về đoàn tụ cùng anh N. Sau khi ăn Tết năm 2024 với gia đình ông T xong thì anh N lại tiếp tục đi làm thợ điện. Khoảng tháng 3/2024, anh N có về thăm gia đình và dự đám cưới của người bạn cùng

quê. Việc anh N có sang tìm chị L về đoàn tụ không thì gia đình ông T không nắm được. Nay chị L xin ly hôn anh N, gia đình ông T mong muốn Toà án hoà giải để anh chị được đoàn tụ, nếu không hoà giải được thì Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Ông T đề nghị Toà án giao cháu Bùi Yên N1 cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Anh N và chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Gia đình ông T đã nhận được các văn bản tố tụng (như thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Toà án). Ông và gia đình đã giao tận tay và thông báo các văn bản tố tụng này cho anh N, nhưng vì lý do công việc nên anh N không đến Toà án làm việc được.

** Kết quả xác minh tại địa phương:* Sau khi cưới, vợ chồng chị L và anh N chung sống hạnh phúc, không xảy ra điều tiếng gì. Nhưng được khoảng 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Do anh N là thanh niên thỉnh thoảng uống rượu, về nhà kiếm có mắng chị L, nhưng sau đó vợ chồng lại trở về cuộc sống bình thường. Đến tháng 09/2023, anh N và chị L đã xảy ra mâu thuẫn chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị L (ông Đoàn Trọng D và bà Trần Thị Ú tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam) ở. Anh N và chị L sống cùng một thôn nhưng mỗi người ở một nơi, anh N ở với gia đình bố mẹ đẻ anh N còn chị L ở với gia đình bố mẹ đẻ chị L, hai nhà cách nhau khoảng hơn 100m. Nay chị L có đơn yêu cầu ly hôn anh N, Ủy ban nhân dân xã đề nghị Toà án tiến hành hoà giải anh N và chị L về đoàn tụ, trường hợp hoà giải không thành đề nghị Toà án căn cứ pháp luật để giải quyết theo nguyện vọng của anh chị.

Về con chung: Vợ chồng anh N và chị L có 01 con chung là cháu Bùi Yên N1, sinh ngày 07/11/2022. Hiện nay cháu N1 đang được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L đang làm công nhân, thu nhập bình quân của chị L khoảng 7.000.000 đồng/tháng; anh N đang làm thợ điện ở đâu, thu nhập bình quân khoảng bao nhiêu thì Ủy ban nhân dân xã không nắm được, nhưng anh N vẫn thường xuyên về ở tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Nếu ly hôn, đề nghị Toà án giao cháu N1 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu.

Toà án triệu tập anh Bùi Ngọc N đến toà án làm việc, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh N vắng mặt không lý do nên Toà án không thể tiến hành hoà giải được.

** Tại phiên toà:*

- Nguyên đơn chị Đoàn Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Ngọc N. Về con chung: Chị L đề nghị Hội đồng xét xử được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Yên N1 và

không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung chị. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn (anh Bùi Ngọc N) đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa sơ thẩm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Đoàn Thị L và anh Bùi Ngọc N. Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Yến N1, sinh ngày 07/11/2022 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị L không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Đoàn Thị L cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Bùi Ngọc N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị L và anh Bùi Ngọc N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Theo chị L cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không trung thực trong vấn đề tiền bạc nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Anh N đã chửi và đuổi chị L, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ của mình sinh sống. Từ ngày 02/9/2023 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó giải quyết ly hôn giữa chị Đoàn Thị L và anh Bùi Ngọc N là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đoàn Thị L và anh Bùi Ngọc N có 01 con chung là cháu Bùi Yên N1, sinh ngày 07/11/2022. Hiện nay cháu N1 đang ở với chị L. Chị L hiện đang làm công nhân cho Công ty TNHH T1, thu nhập bình quân của chị L khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng. Chị L yêu cầu được nuôi cháu N1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của chị L là chính đáng. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu N1 ở với chị L vẫn khoẻ mạnh, phát triển tốt và cuộc sống ổn định, cháu N1 còn nhỏ nên cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu N1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị L là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị Đoàn Thị L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, các Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị L và anh Bùi Ngọc N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Yên N1, sinh ngày 07/11/2022 cho chị Đoàn Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Anh Bùi Ngọc N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Đoàn Thị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đoàn Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân theo biên lai số BLTU/2023/0000820 ngày 22/02/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Bùi Ngọc N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã Nhân Bình;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đình Thành Nam